

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2023
“V/v tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thu Tâm.
2- Bà Lê Thị Thanh Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Ngọc Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Lê Hoài Ph, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp 1, xã C, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2023, nguyên đơn là bà Trương Thị Ngọc H trình bày: Bà H và ông Lê Hoài Ph tự tìm hiểu được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận ĐKKH số 78/2007. Sau khi cưới bà H và ông Ph chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Bà H và ông Ph có 02 con chung tên Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2008 và Lê Gia H1, sinh ngày 17/6/2011. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hoài Ph vắng mặt đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu cụ thể nào.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải để đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tới lần thứ 2 mà không tham gia nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu; bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Trương Thị Ngọc H xin ly hôn với ông Lê Hoài Ph vì vậy xác định tranh chấp giữa bà H và ông Ph là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bà H có đơn xin vắng mặt, bị đơn là ông Ph đã được Tòa án thông báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà H và tài liệu kèm theo xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Ph được xác lập vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận ĐKKH số 78/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới bà H và ông Ph sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, đến năm 2017 thì hai vợ chồng ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân thì bà H về nhà cha mẹ ruột sống. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của bà H, Tòa án đã thông báo cho ông Ph biết và mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm để tạo điều kiện cho bà H và ông Ph giải quyết những bất đồng, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông Ph vắng mặt và không tham gia phiên tòa. Bà H kiên quyết xin ly hôn với ông Ph điều đó cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H và ông Ph có 02 con chung tên Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2008 và Lê Gia H1, sinh ngày 17/6/2011. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện con chung đang ở với bà H, nên giao con cho bà H nuôi dưỡng để ổn định tâm lý các con chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà H là nguyên đơn nên bà H phải chịu tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng và đã nộp, chi xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56 và các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc H đối với ông Lê Hoài Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lê Hoài Ph.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Lê Ngọc Gia H, sinh ngày 22/5/2008 và Lê Gia H1, sinh ngày 17/6/2011. Khi ly hôn bà H được nuôi con chung. Ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con .

Mặc dù không được trực tiếp nuôi con chung nhưng ông Ph có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bà H là nguyên đơn nên bà H phải chịu tiền chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng và đã nộp, chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002972 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bà Trương Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí. Ông Lê Hoài Ph không phải chịu án phí.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc H, bị đơn ông Lê Hoài Ph vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- UBND thị trấn A, huyện B, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thủy